

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Bảy Nhỏ

Ông Trần Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn không tham gia

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Thạch Q, sinh năm 1996.(có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị Thạch Thị T, sinh năm 1998.(Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T3, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 13/02/2020, nguyên đơn anh Thạch Q trình bày: Anh và chị Thạch Thị T thành hôn vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long ngày 20/02/2017. Thời gian vợ chồng chung sống được khoảng 01 năm, không có hạnh phúc nên chị T bỏ đi nên vợ chồng cắt đứt quan hệ cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, anh yêu cầu được ly hôn với chị T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung anh Q trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là chị Thạch Thị T. Đồng thời triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhiều lần nhưng phía chị T không trình bày ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn chị Thạch Thị T tại phiên toà hôm nay.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Thạch Q giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn chị Thạch Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Về hôn nhân: Anh Thạch Q và chị Thạch Thị T thành hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long ngày 20/02/2017 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống anh Thạch Q cho rằng vợ chồng sống chung không hạnh phúc nên chị T đã bỏ về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng cắt đứt quan hệ khoảng 02 năm nay, cả hai đều không liên lạc và thăm nom nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập chị T nhiều lần đến tham gia hòa giải nhằm giúp đỡ anh Q, chị T đoàn tụ nhưng chị T vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, chị T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Thạch Q là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn anh Thạch Q do thuộc trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Thạch Q ly hôn với chị Thạch Thị T

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn anh Thạch Q do thuộc trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã T1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu Nga